

Số: 21/QĐ-SGDĐT

Bắc Giang, ngày 12 tháng 01 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024**

**GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BẮC GIANG**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 7/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 1419/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Công văn số 113/STC-HCSN ngày 12/01/2023 của Sở Tài chính tỉnh Bắc Giang về việc thông báo dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch-Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 đối với cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT), các trường trung học phổ thông, phổ thông dân tộc nội trú, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên trực thuộc Sở GDĐT.

(Chi tiết dự toán thu chi của từng đơn vị theo biểu đính kèm).

**Điều 2.** Dự toán chi ngân sách nhà nước được giao năm 2024 đã tính đủ chế độ lương của người lao động, các khoản đóng góp theo quy định; phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo theo Nghị định 54/2011/NĐ-CP; chế độ giáo viên theo Nghị định 140/NĐ-CP ngày 5/12/2017; chế độ phụ cấp công vụ theo Nghị định số 57/2011/NĐ-CP theo mức lương tối thiểu 1.800.000 đồng. Chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức công tác ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội ĐBKK theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP; chế độ của học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-TTg ngày 18/7/2016; chế độ học sinh khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013; chế độ học sinh theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017; học bổng các trường dân tộc

nội trú, trường chuyên; chế độ cấp bù miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập; hỗ trợ học sinh trường THPT Chuyên theo Nghị quyết số 16/2019/NQ-HĐND; hỗ trợ trường DTNT theo NQ 62/2021/NQ-HĐND.

Căn cứ vào nhiệm vụ và kế hoạch được giao, thủ trưởng các đơn vị tổ chức chỉ đạo thực hiện dự toán thu chi theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng Sở GDĐT, các đơn vị trực thuộc Sở GDĐT có tên trong danh sách tại Điều 1 và phòng Kế hoạch - Tài chính căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính (b/c);
- KBNN tỉnh, các huyện (p/h);
- Lưu: VT, KHTC.



**GIÁM ĐỐC**

Tạ Việt Hùng

Chương: 422



## DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDĐT ngày 12/01/2024 của Sở GD&amp;ĐT Bắc Giang)

## Trường THPT Hiệp Hòa số 4

Chương 422 Loại 070 khoản 074

Đơn vị: triệu đồng

TT	CHI TIẾT	Dự toán năm 2024 (chưa trừ tiết kiệm)	Trừ tiết kiệm chi khác 10%	Trừ cải cách tiền lương	Giảm 2,5% chi NSNN	Dự toán năm 2024 (đã trừ tiết kiệm)
<b>A</b>	<b>Thu sự nghiệp, dịch vụ</b>	<b>3.817</b>	<b>-</b>	<b>356</b>	<b>-</b>	<b>3.475</b>
1	Thu học phí	714		286		428
2	Thu liên kết đào tạo khối Trung tâm GDNN-GDTX	-		-		-
3	Thu dạy thêm học thêm môn văn hoá	2.800		56		2.744
4	Thu dạy thêm, thu dịch vụ trông xe, thu khác	303		-		303
5	Cấp bù miễn giảm học phí			14		
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>13.658</b>	<b>231</b>	<b>356</b>	<b>346</b>	<b>12.725</b>
<b>1</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</b>	<b>13.010</b>	<b>231</b>	<b>356</b>	<b>346</b>	<b>12.077</b>
1.1	Chi lương, nâng lương, các khoản phụ cấp, các khoản đóng góp và giáo viên hưởng chế độ NĐ 140/2017/NĐ-CP	10.564		356		10.208
1.2	Chi chuyên môn, mua sắm sửa chữa, chi khác; Chi cho học sinh DTNT theo TT 109; thuê hợp đồng nấu ăn, bảo vệ	2.446	231		346	1.869
<b>2</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>	<b>648</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>648</b>
2.1	Học bổng DTNT	-				-
2.2	Học bổng THPT Chuyên	-				-
2.3	Chế độ học sinh THPT Chuyên theo NQ 16/2019/NQ-HĐND	-				-
2.4	Chi tổ chức ôn luyện HSG quốc gia và quốc tế	-				-
2.5	Trợ cấp lần đầu theo NĐ 76	-				-
2.6	Trợ cấp một lần khi chuyển công tác ra khỏi vùng ĐBKK; Hỗ trợ thăm quan học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo NĐ 76	-				-
2.7	Chi chế độ HS theo NĐ 116 trường công lập	-				-
2.8	Chế độ học sinh theo NĐ 57	-				-
2.9	Chi học sinh khuyết tật theo TT 42 BTC	14				14
2.10	Cấp bù miễn giảm học phí trường công lập (NĐ 81)	34				34
2.11	Hỗ trợ chi sửa chữa thường xuyên CSVC trường học	600				600
2.12	Diệt mối	-				-